

SỞ Y TẾ QUẢNG NAM
BỆNH VIỆN DA LIỄU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 18/BVLD-D-VTTYT
V/v mời chào giá Thiết bị y tế

Quảng Nam, ngày 15 tháng 3 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp Thiết bị y tế tại Việt Nam
Bệnh viện Da liễu Quảng Nam có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo làm căn cứ trình hồ sơ đề nghị Sở Y tế Quảng Nam mua sắm thiết bị y tế cho bệnh viện năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Bệnh viện Da liễu Quảng Nam;

Địa chỉ: Đường N24, phường An Mỹ, TP Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Hồ Tấn Mẫn, Trưởng khoa Xét nghiệm - CDHA - Dược - Vật tư y tế; Số điện thoại: 0979.094.394; Địa chỉ mail: cnman1981@gmail.com.

- Hoặc Lê Thị Loan, nhân viên khoa Xét nghiệm - CDHA - Dược - Vật tư y tế; Số điện thoại: 0961.180.609.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện tại địa chỉ: Khoa Xét nghiệm - CDHA - Dược - Vật tư y tế, Bệnh viện Da liễu Quảng Nam.

Địa chỉ: Đường N24, phường An Mỹ, TP Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Nhận qua mail: cnman1981@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 13h00 ngày 15/3/2024 đến trước 16h30 ngày 25/3/2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu là 180 ngày, kể từ ngày 25/3/2024 (ngày kết thúc nhận báo giá theo khoản 4 Mục này).

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế:

| STT | Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan | Số lượng | Đơn vị tính |
|-----|--------------------------------|--|----------|-------------|
| 1 | Máy phân tích sinh hóa tự động | Tại "Phụ lục 2: yêu cầu cấu hình kỹ thuật thiết bị y tế" kèm theo | 01 | Máy |
| 2 | Thiết bị Laser He-ne trị liệu | Tại "Phụ lục 2: yêu cầu cấu hình kỹ thuật thiết bị y tế" kèm theo | 01 | Máy |
| | Tổng: 02 thiết bị | | | |

2. Nội dung báo giá: *Theo mẫu “Phụ lục I: Mẫu báo giá” đính kèm.*
3. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: *Tại địa chỉ Bệnh viện Da liễu Quảng Nam, phường An Mỹ, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.*
4. Thời gian giao hàng dự kiến: *quý III năm 2024.*
5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: *Tạm ứng không vượt quá 30% giá trị gói thầu; thanh toán theo khối lượng bàn giao, nghiệm thu hàng hóa.*

Các đơn vị tham gia báo giá chịu trách nhiệm về tính pháp lý tài liệu cung cấp cho bệnh viện.

*Ngoài phong bì yêu cầu ghi rõ: Tên đơn vị, tên Công ty, địa chỉ, số điện thoại và “**Thư chào giá Thiết bị y tế**”.*

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;*
- Đăng Website bệnh viện;*
- Lưu: VT, XN-CBHA-D-VTTYT, TC-HC&TC-KT.*



BS.CKI Nguyễn Văn Cẩm

Phụ lục 1: Mẫu báo giá

[Tên của hãng sản xuất,
nhà cung cấp báo giá]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Da liễu Quảng Nam

Trên cơ sở yêu cầu thư mời chào giá số...../BVDL-D-VTYT ngày...../...../2024 của Bệnh viện Da liễu Quảng Nam, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

| STT | Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾ | Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾ | Mã HS ⁽⁴⁾ | Năm sản xuất ⁽⁵⁾ | Xuất xứ ⁽⁶⁾ | Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾ | Đơn giá ⁽⁸⁾ (VNĐ) | Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VNĐ) | Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VNĐ) | Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VNĐ) |
|-----|---------------------------------------|--|----------------------|-----------------------------|------------------------|-------------------------------------|------------------------------|--|--|----------------------------------|
| 1 | Thiết bị A | | | | | | | | | |
| 2 | Thiết bị B | | | | | | | | | |
| n | ... | | | | | | | | | |

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế).

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... , kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp⁽¹²⁾**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))



Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “**Danh mục thiết bị y tế**” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “**Danh mục thiết bị y tế**”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- 10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) và ghi rõ số tiền cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Phụ lục 2:

YÊU CẦU CẤU HÌNH KỸ THUẬT THIẾT BỊ Y TẾ

(Kèm theo Thư mời chào giá thiết bị y tế số:...../30.../BV/DL-D-VTTYT,
ngày...../3.../3/2024 của Bệnh viện Đa khoa Quận Nam)

I. TÊN THIẾT BỊ Y TẾ 1: MÁY PHÂN TÍCH SINH HÓA TỰ ĐỘNG

| TT | Nội dung | Số lượng |
|------------|---|----------|
| A. | YÊU CẦU CHUNG | |
| I. | Yêu cầu chung: Năm sản xuất: 2023 trở về sau, hàng mới 100% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; FDA; CE hoặc tương đương Nguồn cung cấp: ~200V, 50/60 Hz Môi trường hoạt động: <ul style="list-style-type: none">Nhiệt độ: $\leq 10 - \geq 30^{\circ}\text{C}$Độ ẩm: $\leq 70\%$ | |
| II. | Cấu hình cung cấp: Máy phân tích sinh hóa và phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo bao gồm: Máy chính 01 Bộ phụ kiện tiêu chuẩn của hãng 01 Bộ máy vi tính đi kèm máy chính, đã cài đặt hệ điều hành và phần mềm tương ứng 01 Bộ thuốc thử ban đầu gồm 03 loại: AST/GOT, ALT/GPT, Glucose; mỗi loại một hộp 01 Hoá chất chuẩn: Cal và QC tương ứng với thuốc thử ban đầu; mỗi loại 1 lọ 01 Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt 01 Phụ kiện đi kèm (mua trong nước): Máy in kết quả khổ giấy A4 01 | |
| B | CẤU HÌNH KỸ THUẬT | |
| I | Thông số kỹ thuật chung Máy phân tích sinh hóa tự động, hệ thống hoá chất mờ. Công suất xét nghiệm ≥ 200 xét nghiệm sinh hóa/giờ Nhóm bệnh: Thiếu máu, tự miễn/thấp khớp, chuyển hóa xương, tim mạch, tiểu đường, chất gây nhiễm/độc chất học, bệnh gan, ức chế miễn dịch, thuốc/TDM (giám sát nồng độ thuốc trong điều trị), viêm nhiễm, bệnh thận, đánh giá dinh dưỡng, bệnh tụy, ung thư, nội tiết sinh sản, tuyến giáp. Thông số đo: Hơn 40 thông số: Acid Phosphatase, Albumin, Alkaline Phosphatase, Ammonia, ALT, Alanine aminotransferase (GPT), Amylase, AST Aspartate Aminotransferase (GOT), Bilirubin Direct, Bilirubin Total, Urea Nitrogen (BUN), C-reactive protein (CRP) HS, CO2, Creatinine Kinase-MB, Calcium Arsenazo, Calcium, Chloride, Cholesterol, Creatinine Kinase (CK), Creatinine, Direct HDL/LDL, Glycohemoglobin, Glycosylated hemoglobin (HbA1c), Gamma-glutamyl transferase (GGT), Glucose Oxidase, Hemoglobin, High-density lipoprotein (HDL), Iron (auto), Lactate, Lipase, Lactate dehydrogenase (LDH-L), Low-density lipoprotein (LDL), Microalbumin, Magnesium, Phosphorous, Potassium, Sodium (semi-auto), Total Iron binding capacity (TIBC), Total Protein, Triglycerides, Uric Acid... | |
| | Loại xét nghiệm: Điểm cuối, thời gian cố định, động học. Phương pháp xét nghiệm: phương pháp hệ số, tiêu chuẩn đơn điểm, tiêu chuẩn đa điểm hồi | |



Handwritten signature or initials.

| | |
|-----|---|
| | <p>quy tuyến tính, hỏi quy không tuyến tính</p> <p>Thời gian trung bình cho xét nghiệm đầu tiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> BUN: ≤ 3 phút Glucose: ≤ 5 phút |
| | <p>Kích thước (R x C x S): $\leq 81 \times 115 \times 65$ cm</p> <p>Khối lượng: ≤ 145 kg</p> <p>Hệ thống nước: Không cần nguồn cấp</p> <p>Tiêu chuẩn cấp nước: nước cất hoặc nước khử ion</p> <p>Có kim khuấy để trộn hỗn hợp phản ứng (thuốc thử và mẫu) trong cuvet.</p> |
| II | <p>Quản lý mẫu</p> <p>Ông mẫu: ông nghiệm tiêu chuẩn, ông chứa máu loại thường, cóc mẫu loại nhỏ</p> <p>Khay mẫu: ≥ 40 vị trí (bao gồm chất kiểm tra và tiêu chuẩn)</p> <p>Thế tích mẫu: $\leq 3.0 - \geq 100$ μl (bước điều chỉnh ≤ 0.5 μl)</p> <p>Kim hút mẫu: tự động rửa để ngăn ngừa lây nhiễm chéo, cảm biến mực chất lỏng, điều chỉnh độ sâu</p> <p>Có chế độ chạy mẫu cấp cứu</p> |
| III | <p>Quản lý thuốc thử</p> <p>Khay thuốc thử: ≥ 40 vị trí</p> <p>Hệ thống định lượng: một đầu dò với cảm biến mực chất lỏng</p> <p>Vị trí thuốc thử: mỗi vị trí để được ≥ 02 loại lọ hoá chất kích thước khác nhau (40ml và 18ml)</p> <p>Thế tích thuốc thử trung bình: ≤ 180 μl – ≥ 500 μl mỗi mẫu xét nghiệm</p> <p>Kiểm soát thuốc thử: Liên tục theo dõi thế tích hóa chất còn lại</p> |
| IV | <p>Khay phản ứng</p> <p>Cuvettes phản ứng: ≥ 81 cuvettes</p> <p>Nhiệt độ dung dịch: $37^{\circ}\text{C} \pm \leq 0.3$</p> |
| V | <p>Hệ thống đo quang</p> <p>Nguồn sáng: Đèn Halogen thạch anh 12V – 20W có tuổi thọ cao</p> <p>Bước sóng: ≥ 8 bước sóng 340, 405, 450, 510, 546, 578, 630 và 670 nm</p> |
| VI | <p>Hiệu chuẩn, QC, bảo dưỡng</p> <p>Kết quả hiệu chuẩn: hiển thị độ thi đường cong hiệu chuẩn</p> |
| VII | <p>Giao diện sử dụng /Quản lý dữ liệu:</p> <p>Màn hình hiển thị: LED độ phân giải cao $\geq 1600 \times 900$ dpi</p> <p>Khả năng lưu dữ liệu: ≥ 500GB</p> <p>Bộ nhớ: ≥ 100 thao tác, không giới hạn kết quả và biểu đồ QC</p> <p>Công kết nối: RS232C</p> <p>Khả năng kết nối: khả năng kết nối & hỗ trợ từ xa (yêu cầu có kết nối mạng internet), đầu đọc mã vạch (lựa chọn thêm)</p> |
| C. | <p>YÊU CẦU KHÁC</p> <p>- Hàng hóa được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại nơi sử dụng.</p> <p>- Có giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc của nhà phân phối có đủ điều kiện cấp giấy ủy quyền hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương</p> <p>- Cam kết cung cấp đầy đủ chứng chỉ chất lượng (CQ), xuất xứ (CO), tờ khai hải quan và các tài liệu chứng minh hàng hóa được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP, ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế và Nghị định 07/2023/NĐ-CP, ngày 03/3/2023 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung nghị định 98/2021/NĐ-CP, tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo quản trang thiết bị kèm bản dịch tiếng Việt khi bàn giao.</p> <p>- Thiết bị được bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ khi bàn giao</p> <p>- Nhà thầu cam kết đào tạo và chuyển giao công nghệ cho người sử dụng</p> <p>- Nhà thầu phải cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian ít nhất 5 năm sau bán hàng.</p> |

| | |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên được đào tạo làm dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng - Nhà thầu phải có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ trong thời gian bảo hành theo quy định của nhà sản xuất - Thời gian cung cấp, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, đào tạo: trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. |
|--|---|

II. TÊN THIẾT BỊ Y TẾ 2: THIẾT BỊ LASER HE-NE TRI LIỆU

| CẤU HÌNH KỸ THUẬT | |
|--------------------------|--|
| TT | YÊU CẦU CHUNG |
| 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Hàng mới 100%, sản xuất năm 2023 trở về sau; - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. |
| 2 | <p>Cấu hình cho 1 hệ thống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 máy - Dây quang dẫn: 01 dây - Chìa khóa nguồn: 02 cái - Dây nguồn: 01 dây - Sách hướng dẫn sử dụng: 01 quyển |
| 3 | <p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại Laser: He-Ne - Bước sóng: (632,8 - 633) nm - Công suất phát laser: 0 -50 mW (max) - Hệ thống truyền dẫn tia: dây quang dẫn - Dòng phát laser tối ưu: 12 mA - Cao áp: 7KV - Thời gian đặt tự động: 1 – 99 phút - Công suất tiêu thụ: 60W (max) - Kích thước: 110x20x16 cm - Trọng lượng: 15kg - Điện áp nguồn: 220VAC±10%/50Hz - Điều kiện làm việc cho phép: T≤ 400C, H≤80% |
| 4 | <p>Các yêu cầu khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại nơi sử dụng. - Có giấy phép bán hàng của nhà xuất hoặc của nhà phân phối có đủ điều kiện cấp giấy ủy quyền hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương - Cam kết cung cấp đầy đủ chứng chỉ chất lượng (CQ), xuất xứ (CO), tờ khai hải quan và các tài liệu chứng minh hàng hóa được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP, ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế và Nghị định 07/2023/NĐ-CP, ngày 03/3/2023 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung nghị định 98/2021/NĐ-CP, tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo quản trang thiết bị kèm bản dịch tiếng Việt khi bàn giao. - Thiết bị được bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ khi bàn giao - Nhà thầu cam kết đào tạo và chuyển giao công nghệ cho người sử dụng - Nhà thầu phải cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian ít nhất 5 năm sau bán hàng. - Có đầy đủ đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên được đào tạo làm dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng - Nhà thầu phải có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ trong thời gian bảo hành theo quy định của nhà sản xuất - Thời gian cung cấp, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, đào tạo: trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng |



[Handwritten signature]

